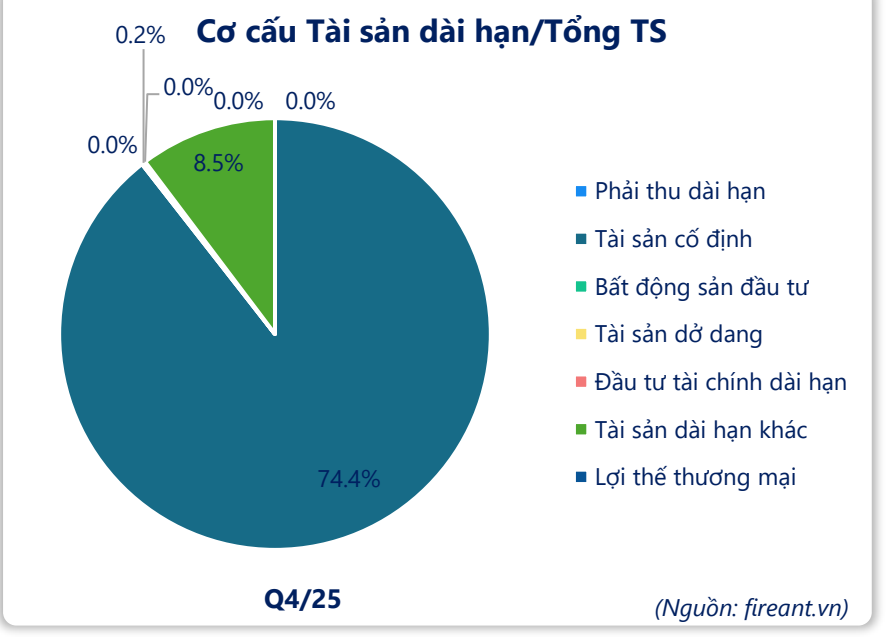
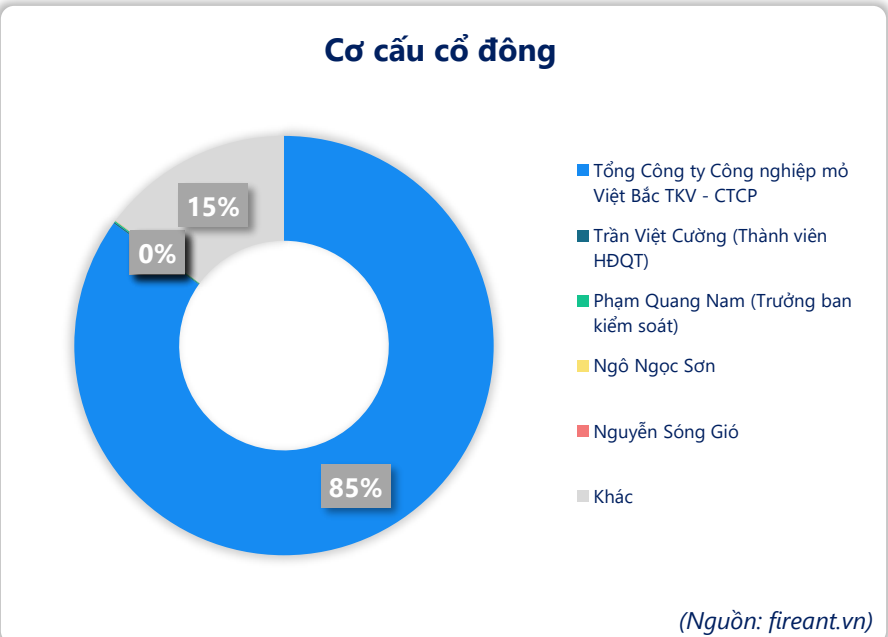
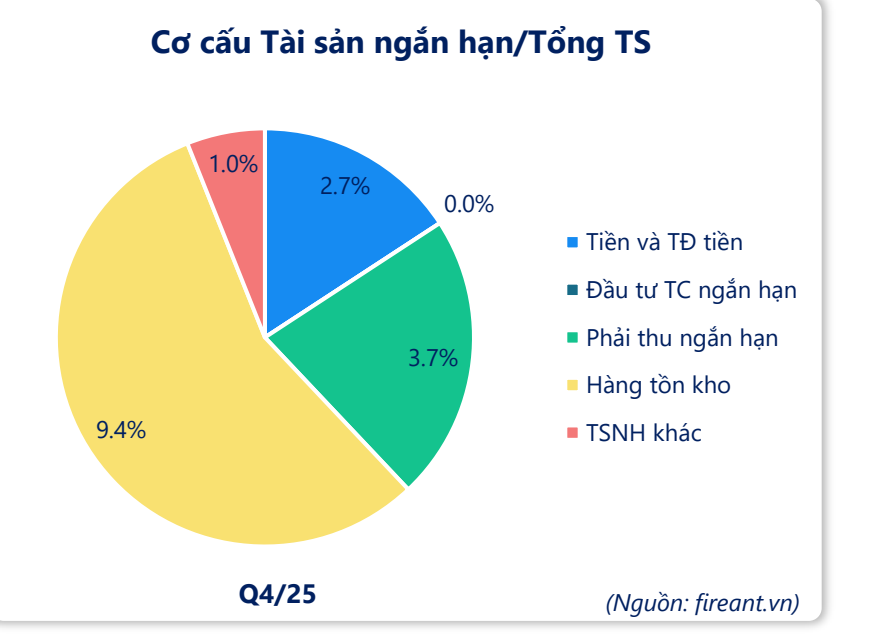
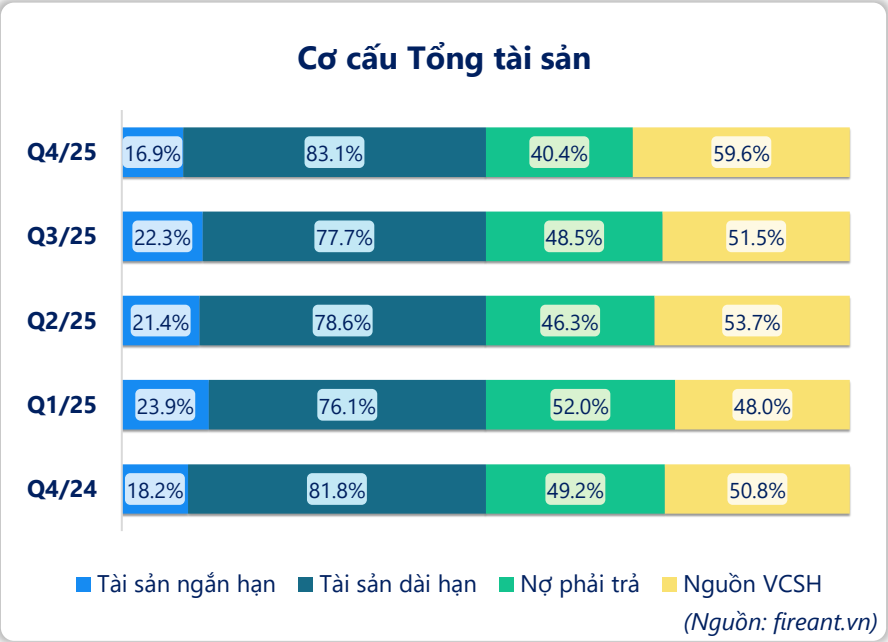
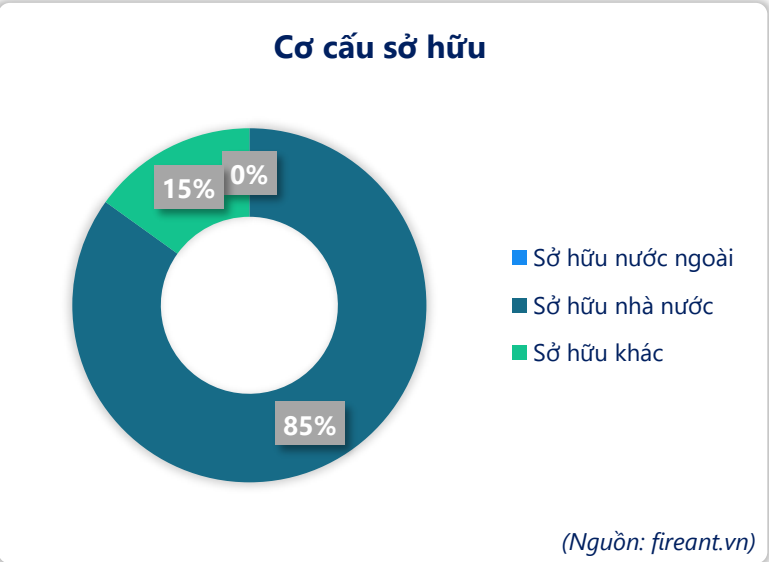
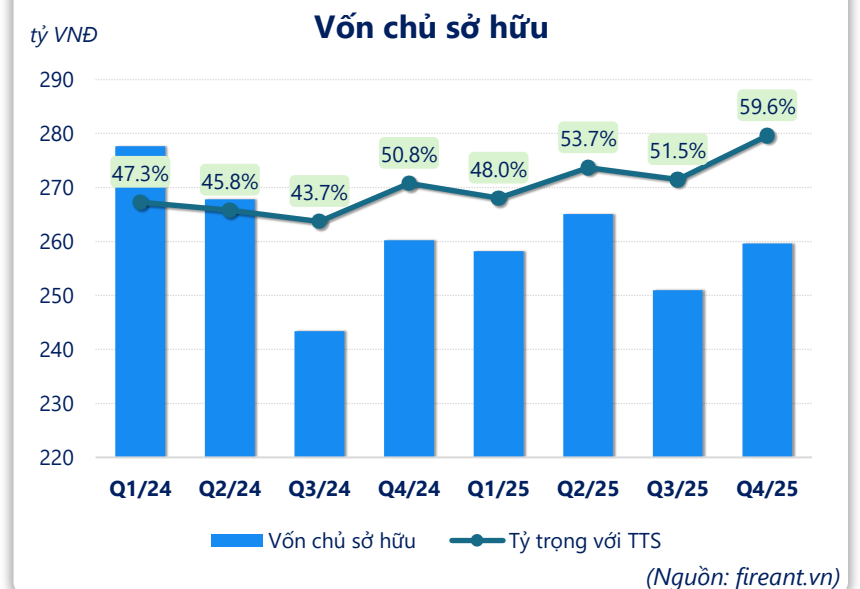
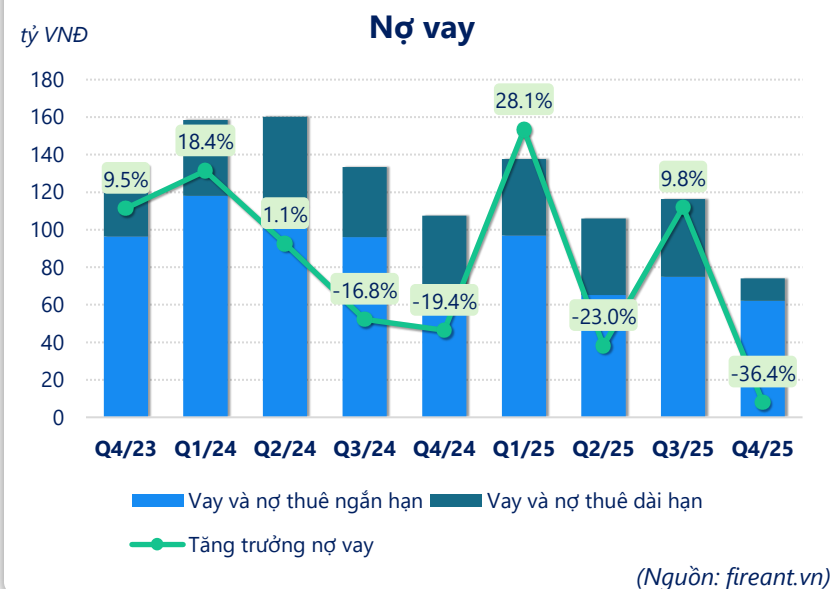
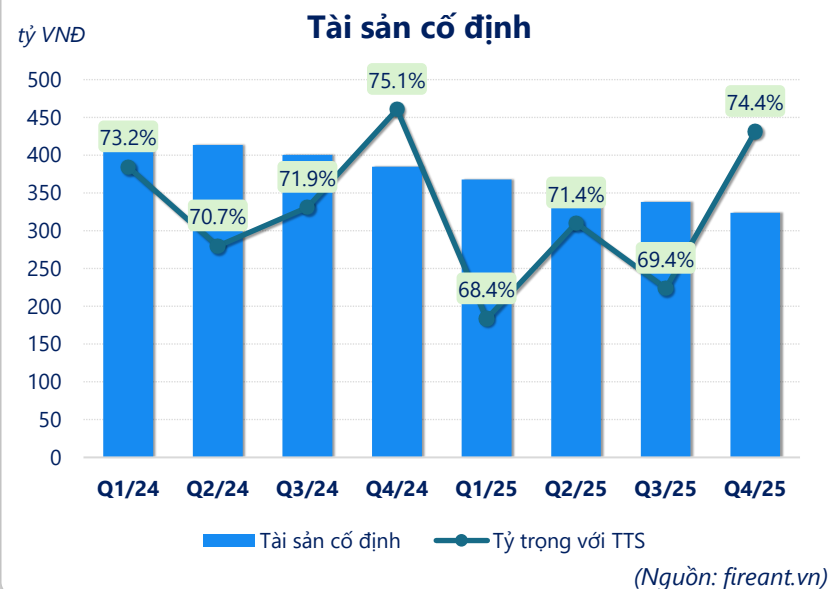
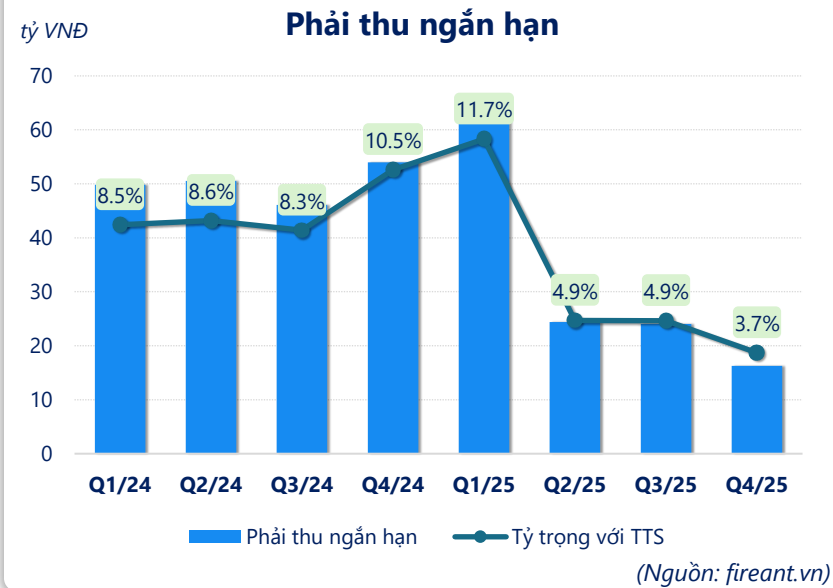
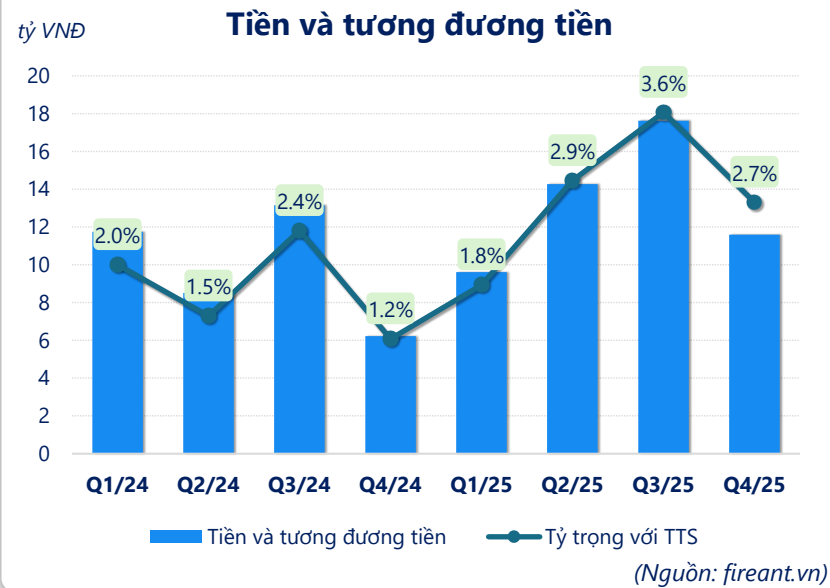
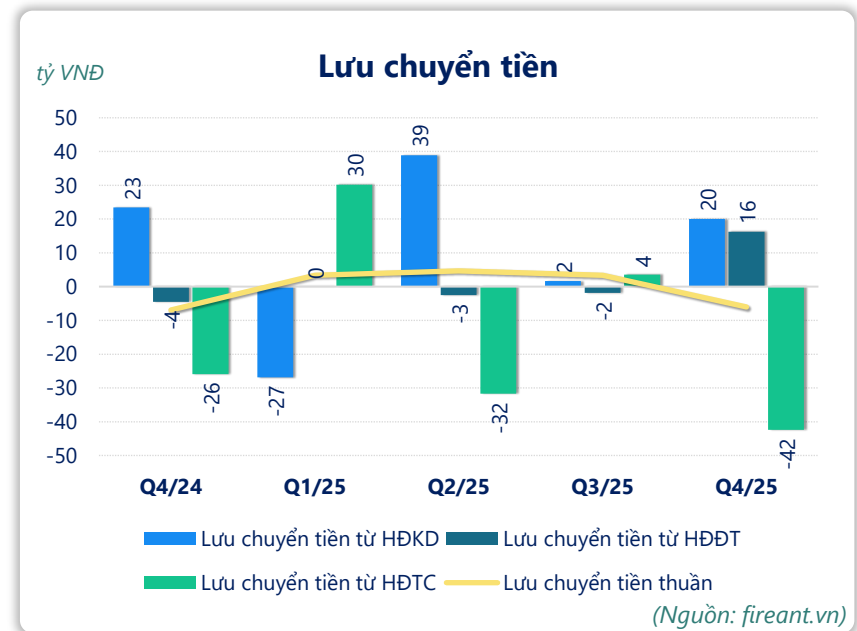
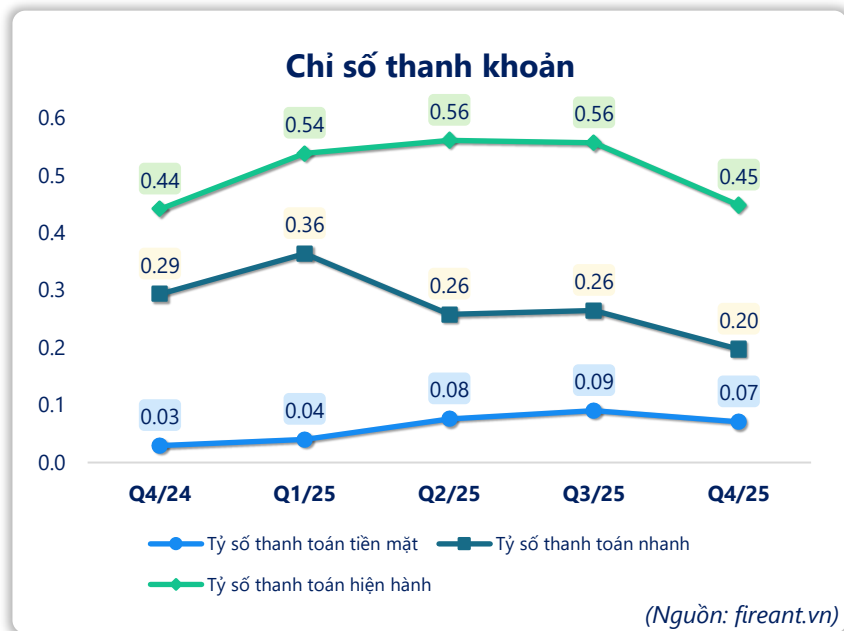
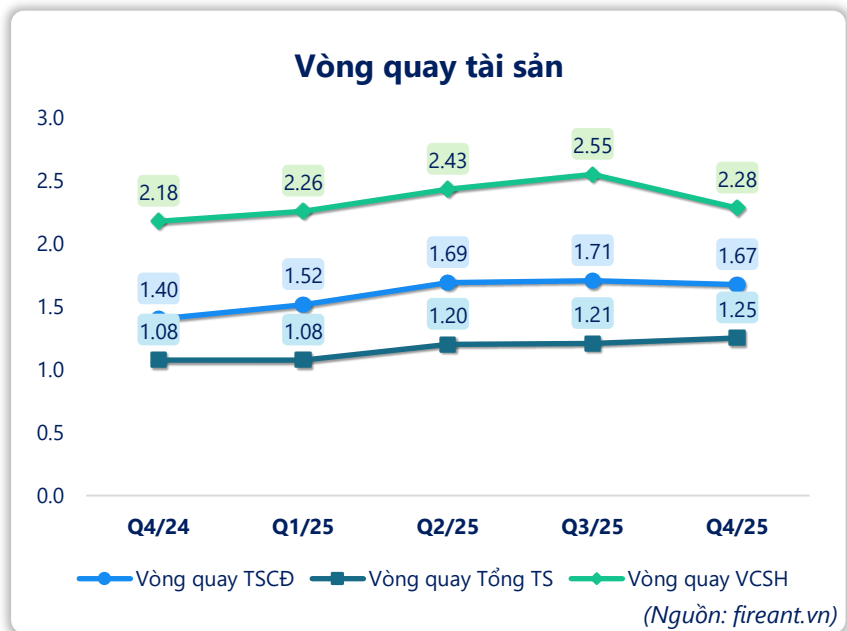
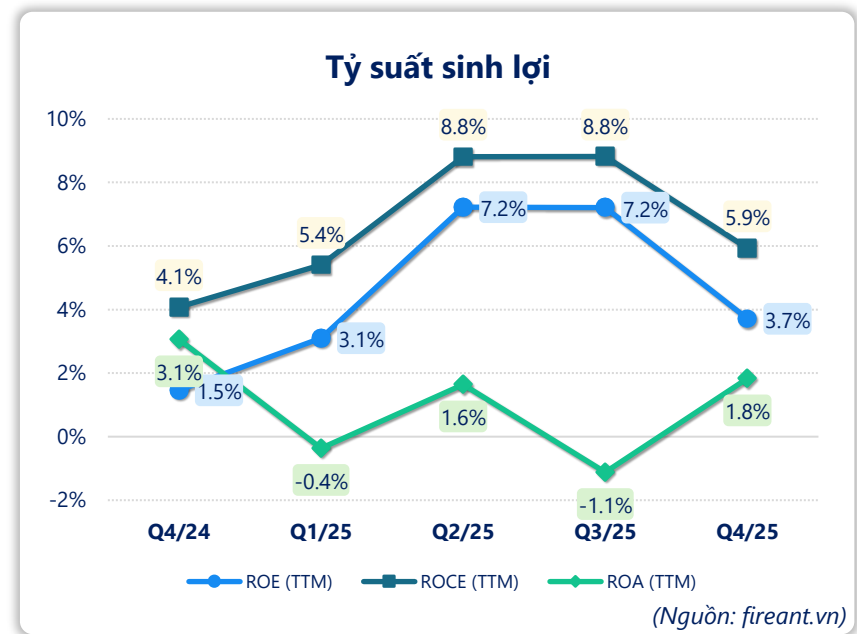
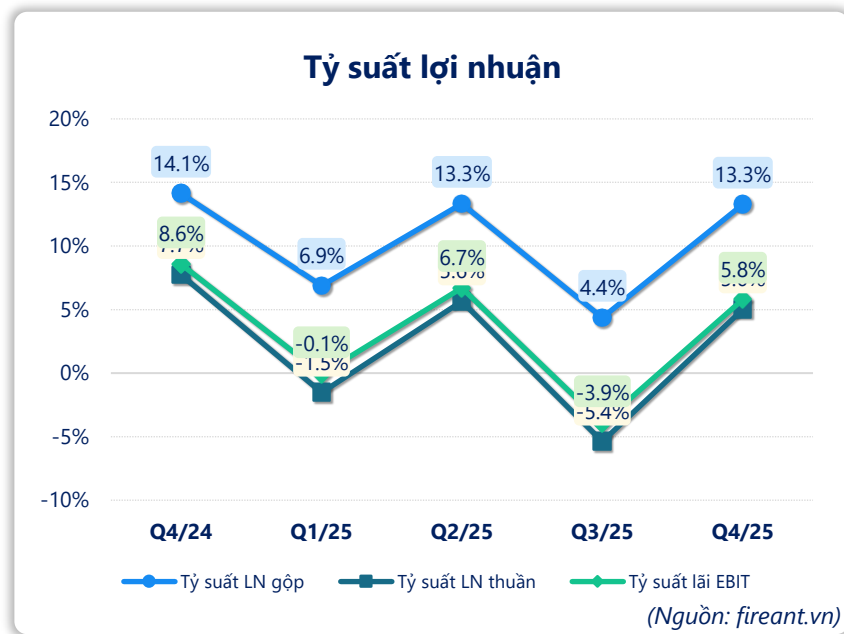
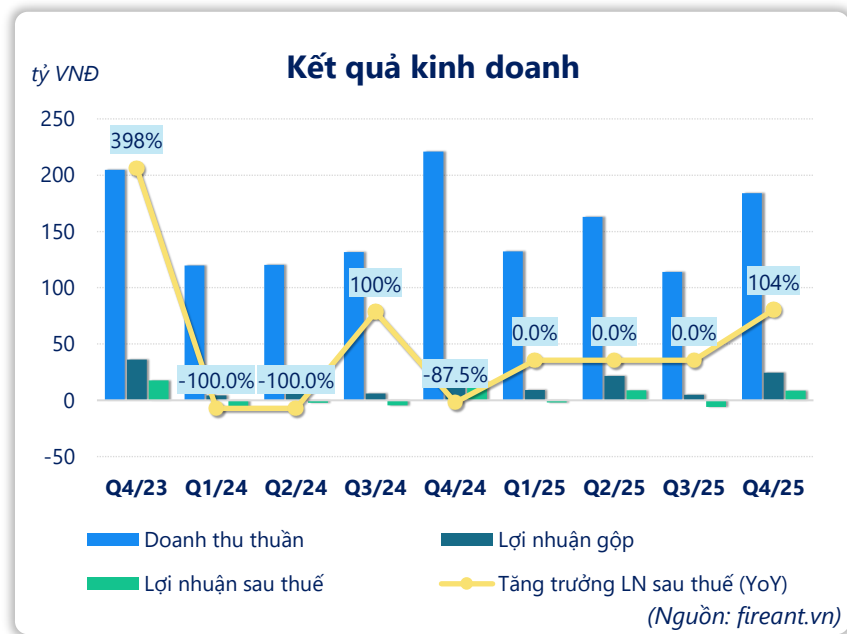


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,827
SL cổ phiếu LH		25,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		195
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		203
P/E		21.0
EPS		386

	YTD	1T	3T	6T
CQT	-2.5%	-3.6%	-12.0%	-12.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	436	513	-15.0%
Tài sản ngắn hạn	73.5	93.3	-21.3%
Tiền và tương đương tiền	11.6	6.23	86.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	16.3	54.0	-69.8%
Hàng tồn kho	41.1	31.3	31.5%
Tài sản ngắn hạn khác	4.45	1.85	141%
Tài sản dài hạn	362	419	-13.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	324	385	-15.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.05	0.37	183%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	37.2	34.2	8.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	176	252	-30.2%
Nợ ngắn hạn	164	212	-22.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	62.0	66.8	-7.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	67.1	101	-33.5%
Nợ dài hạn	12.0	40.7	-70.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	12.0	40.7	-70.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	260	260	-0.2%
Vốn chủ sở hữu	260	260	-0.2%
Vốn điều lệ	250	250	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	221	132	163	114	184
Giá vốn hàng bán	190	123	141	109	160
Lợi nhuận gộp	31.2	9.09	21.7	4.98	24.4
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	3.79	3.39	3.33	2.90	3.36
Chi phí lãi vay	1.86	1.92	1.72	1.66	1.51
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.49	2.77	3.44	3.05	4.48
Chi phí QLDN	6.87	4.96	5.75	5.18	7.33
LN thuần từ HĐKD	17.1	-2.03	9.21	-6.15	9.24
Lợi nhuận khác	-0.01	0.00	0	0	-0.10
LN trước thuế	17.1	-2.03	9.21	-6.15	9.14
Lợi nhuận sau thuế	16.8	-2.03	8.84	-5.84	8.67
LNST của CĐ cty mẹ	16.8	-2.03	8.84	-5.84	8.67

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	23.5	-26.8	38.9	1.62	20.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.50	0.00	-2.54	-1.81	16.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-25.9	30.2	-31.7	3.53	-42.4
Tiền đầu kỳ	13.1	6.23	9.61	14.3	17.6
Lưu chuyển tiền thuần	-6.92	3.38	4.67	3.34	-6.02
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.23	9.61	14.3	17.6	11.6

(Nguồn: fireant.vn)